

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2025

"Về việc Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương Giang và bà Khương Thị Lơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trịnh Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn MN, xã NL, huyện CG, tỉnh HD.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn MN, xã NL, huyện CG, tỉnh HD.

(Tại phiên tòa: có mặt ông D, vắng mặt bà H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương; tự nguyện về chung sống cùng nhau từ tháng 8 năm 1985 (âm lịch) nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, bởi vì lúc đó ông chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 quy định: "Con gái từ 18 tuổi trở lên, con trai từ 20

tuổi trở lên mới được kết hôn". Kể cả đến thời điểm đủ tuổi đăng ký kết hôn ông bà cũng không đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông cũng biết nam nữ có đủ điều kiện kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì phải đi đăng ký kết hôn nhưng vì nhận thức pháp luật hạn chế, hơn nữa mãi lo làm ăn kinh tế nên ông và bà H không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, có lối sống trái ngược nhau, thường xuyên nghi ngờ không tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến hay xảy ra va chạm làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, mâu thuẫn trở lên trầm trọng, không biện pháp gì tháo gỡ, vợ chồng không quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau. Bản thân ông có căn quả cũng hay đi lễ chùa nhưng không làm thất thoát kinh tế gia đình. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vào tháng 7 năm 2023 khi ông đi lễ không có nhà thì bà H ở nhà đã cạy phá tủ quần áo của ông, từ đó mâu thuẫn trở lên trầm trọng hơn. Do nhận thấy cuộc sống không đem lại hạnh phúc nên ông và bà đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Văn D1, sinh năm 1986; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị N1, sinh năm 1991. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:
Bà và ông Nguyễn Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào tháng 8 năm 1985 (âm lịch) và chung sống với nhau từ đó đến nay nhưng ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, bởi thời điểm đó ông D chưa đủ tuổi kết hôn. Đến khi ông D đủ tuổi kết hôn thì ông bà cũng không đến cơ quan, tổ chức nào có thẩm quyền để tiến hành đăng ký kết hôn. Bởi vì do hiểu biết pháp luật hạn chế nên cả hai không đề cập đến việc đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà chung sống cùng nhau từ tháng 8 năm 1985 đến năm

2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, bà và các con đã nhiều lần khuyên giải thì ông có thái độ xúc phạm bà dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm rạn nứt ngày càng có khoảng cách, vợ chồng không còn quan tâm yêu thương nhau. Bản thân bà bị bệnh phải đi viện điều trị nhưng ông cũng không quan tâm, hỏi han động viên. Khi xảy ra mâu thuẫn, ông bà không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm nên bà đã sống ly thân với ông D từ tháng 2 năm 2024 đến nay. Bà sinh sống cùng với vợ chồng con trai, còn ông sinh sống một mình trên thửa đất mang tên Nguyễn Văn Quân. Trong thời gian sống ly thân kinh tế độc lập, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Nay bà xác định tình vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nhưng bà không đồng ý ly hôn bởi vì ly hôn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con mà bà mong muốn ông bà cùng đoàn tụ.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Văn D1, sinh năm 1986; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị N1, sinh năm 1991. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung gồm:

- + Thửa đất số 371, tờ bản đồ 01 diện tích 162m² địa chỉ thửa đất: thôn Mỹ Vọng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (nay là thôn MN, xã NL, huyện CG, tỉnh HD) được UBND huyện Cẩm Bình cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Quân (là anh trai ông D) vào ngày 09/9/1995. Thửa đất này đã được vợ chồng bà mua của ông Quân bằng giấy tờ viết tay vào khoảng năm 2000.

- + Thửa đất số 396, tờ bản đồ 01 diện tích đất 297m² địa chỉ thửa đất: thôn Mỹ Vọng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (nay là thôn MN, xã NL, huyện CG, tỉnh HD) được huyện Cẩm Bình cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Nhận vào ngày 09/9/1995. Thửa đất này đã được ông Nhận (bố chồng) tặng cho vợ chồng bà.

Ngày 05/02/2025 ; ngày 21/02/2025, Tòa án đã tổng đạt cho bà H văn bản tố tụng gồm: Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với bà H, yêu cầu bà H giao nộp đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên hết thời hạn yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ bà H đều không giao nộp cho Tòa án.

Tòa án báo gọi bà H đến Tòa án làm việc nhưng bà đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 10/3/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà sớm đưa vụ án ra xét xử.

Tại Biên bản lấy lời khai của đại diện gia đình nguyên đơn trình bày: Ông D và bà H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương từ tháng 8 năm 1985 (âm lịch) nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, bởi vì thời điểm đó ông D chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau khi đủ tuổi đăng ký thì ông có đi đăng ký hay không thì gia đình không nắm được. Việc mâu thuẫn của ông bà là nghi ngờ tình cảm của nhau nên cả hai thường xuyên xảy ra va chạm. Khi mâu thuẫn xảy ra thì anh em trong gia đình và các con của ông bà đều động viên hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay ông D làm đơn ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh tại UBND xã Ngọc Liên, thể hiện: Ông bà đều thuộc công dân của UBND xã Ngọc Liên. Qua theo dõi, rà soát toàn bộ hệ thống, sổ sách tài liệu liên quan đến đăng ký kết hôn của UBND xã Ngọc Liên từ năm 1989 đến năm 1994 không còn lưu trữ. Do vậy UBND xã không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án về việc ông D và bà H có thực hiện đăng ký kết hôn hay không. Kể từ năm 1995, 1996 thì UBND xã vẫn còn lưu trữ sổ sách đăng ký kết hôn của toàn bộ công dân xã Ngọc Liên nhưng trong sổ sách không thể hiện có tên ông D, bà H đăng ký kết hôn. Việc mâu thuẫn vợ chồng ông bà như thế nào, địa phương không nắm được vì khi xảy ra mâu thuẫn ông bà không thông báo cho tổ chức đoàn thể chính quyền địa phương để tiến hành hòa giải cho ông bà. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a mục 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Mục 1 Thông tư liên tịch số 01 ngày 03/01/2001 của TANDTC-VKSNDTC-BTP; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn D ly hôn bà Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H là bị đơn có ĐKKHKT tại thôn MN, xã NL, huyện CG, tỉnh HD; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện tổ chức đám cưới vào ngày 08/8/1985 (âm lịch) với sự chứng kiến của họ hàng nội ngoại hai bên gia đình và bè bạn của ông bà nhưng không đăng ký kết hôn, bởi khi đó ông mới 18 tuổi chưa đủ tuổi kết hôn tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 quy định: "Con gái từ 18 tuổi trở lên, con trai từ 20 tuổi trở lên mới được kết hôn". Sau khi tổ chức

đám cưới ông bà chung sống cùng với bố mẹ ông. Đến thời điểm đủ tuổi đăng ký kết hôn ông bà cũng không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký theo quy định pháp luật, vì nhận thức pháp luật hạn chế, hơn nữa mãi lo làm ăn kinh tế nên ông bà không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn tiếp tục chung sống với nhau từ tháng 8 năm 1985 đến nay và sinh được ba con chung. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà H trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng, không tin tưởng nhau về tình cảm, thường xuyên xảy ra va chạm. Từ đó đến nay ông bà sống ly thân mỗi người một nơi, ông sinh sống một mình một nhà, còn bà sinh sống cùng nhà với vợ chồng anh Doanh (con trai của ông bà), quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai, kinh tế của ai người đó tự quản lý chi tiêu, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Ông D xin ly hôn bà H không nhất trí, bản thân bà H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, nhiều lần Tòa án tiến hành hòa giải thì bà đều không đến làm việc, điều đó khẳng định bà không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"...vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho ông D được ly hôn với bà H.

[2.2]. Về con chung: Ông bà xác định trong quá trình chung sống ông bà có ba con chung là Nguyễn Văn D1, sinh năm 1986; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị N1, sinh năm 1991. Hiện nay cả ba con chung đều đã thành niên, ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn là ông D cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 371, tờ bản đồ 01, ở thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng đã được UBND huyện Cẩm Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1995 mang tên Nguyễn Văn Quân (là anh ruột của ông) nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về

chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H vào ngày 05/02/2025 tại gia đình bà H thì bà H trình bày xác định vợ chồng có tài sản chung, bà yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung là: Quyền sử dụng đất tại thửa số 371, tờ bản đồ 01, diện tích 162m², có địa chỉ thôn Mỹ Vọng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Cẩm Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Quân vào ngày 09/9/1995 đã được vợ chồng ông bà mua của ông Quân bằng giấy viết tay vào năm 2000 và Quyền sử dụng đất tại thửa số 396, tờ bản đồ 01 diện tích đất 297m², có địa chỉ thôn Mỹ Vọng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Cẩm Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Nhận, được ông Nhận tặng cho vợ chồng bà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích và yêu cầu bà H cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng bà H không giao nộp. Ngày 05/02/2025, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 01/2025/QĐ- CCTLCC và tổng đạt trực tiếp cho bà H Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ. Hết thời hạn giao nộp thể hiện tại nội dung Quyết định, bà H cũng không nộp, không có ý kiến gì khác. Do việc giải quyết vụ án phải tuân theo quy định của pháp luật về thời hạn nên Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho bà H hợp lệ, lần thứ nhất vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 10/02/2025 bà H không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên họp, hòa giải lần thứ nhất. Sau đó, tiếp tục thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 18/02/2025, tổng đạt hợp lệ nhưng bà H vắng mặt và có đơn trình bày đề nghị Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày khác để đảm bảo quyền lợi cho bà, vì bà đang đi khám bệnh, uống thuốc điều trị. Sau đó, Tòa án tiếp tục thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ 3 vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 10/3/2025, bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và quy định của pháp luật tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 10/3/2025 và không hòa giải. Sau đó, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đồng thời Thông báo kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét

xử cho bà H biết. Tuy nhiên, vào hồi 16 giờ 35 phút ngày 10/3/2025, Tòa án có nhận được đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị H, kèm theo đơn là bản sao chứng thực là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thể hiện tại thửa số 371, tờ bản đồ 01, diện tích 162m², có địa chỉ: thôn Mỹ Vọng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Cẩm Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Quân vào ngày 09/9/1995 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thể hiện tại thửa số 396, tờ bản đồ 01 diện tích đất 297m², có địa chỉ: thôn Mỹ Vọng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Cẩm Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Nhạn (ông Nhạn bà Đáng là bố mẹ đẻ ông D; ông Nhạn chết năm 2002, bà Đáng chết năm 2010) do chị Nguyễn Thị N1 (con gái bà H, ông D) đến Tòa án nộp.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã giải thích và yêu cầu bà H nếu có yêu cầu khởi kiện thì phải có đơn khởi kiện, kèm theo các tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện nhưng bà H không yêu cầu trong thời gian luật định. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự đã quy định thì: "Đơn khởi kiện của bà H phải nộp trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công cứ và hòa giải". Do vậy, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nội dung đơn khởi kiện của bà H về việc khởi kiện chia tài sản chung với ông D. Nếu bà H có đủ tài liệu, chứng cứ pháp lý chứng minh cho yêu cầu phản tố khởi kiện của mình thì có thể khởi kiện ở một vụ dân sự khác.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 03/01/2001 của TANDTC- VKSNDTC- BTP về việc hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn D ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có ba con chung là Nguyễn Văn D1, sinh năm 1986; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị N1, sinh năm 1991. Hiện các con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số 0007288 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông Nguyễn Văn D đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Hà